

Số:151.8/CV-ACBS.26

TP. HCM, ngày 20 tháng 8 năm 2026

No: ...151.8/ CV-ACBS.26

HCMC, August 20, 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi/ To: Ủy ban chứng khoán Nhà nước/ The State Securities Commission of Vietnam;
Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam/ Vietnam Exchange;
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/ Hanoi Stock Exchange;
Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh/ Hochiminh Stock Exchange.

1. Tên tổ chức: Công ty TNHH Chứng khoán ACB

Name of organization: ACB Securities Company

- Mã thành viên/ Broker code: 006
- Địa chỉ: Tầng 3 Tòa nhà Léman Luxury, số 117 Nguyễn Đình Chiểu, phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh.

Address: 3rd Floor, Léman Luxury Building, 117 Nguyen Dinh Chieu Street, Xuan Hoa Ward, HCMC.

- Điện thoại: (028) 7300 7000 Fax: (028) 7300 3751
Telephone: (028) 7300 7000 Fax: (028) 7300 3751
- E-mail: cbtt@acbs.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố/ Contents of disclosure:

Công ty TNHH Chứng khoán ACB (ACBS) công bố Nghị quyết số 39/NQ-HDTV-ACBS.26 ngày 19/08/2026 về việc chào bán chứng quyền có bảo đảm.

ACB Securities Company (ACBS) announces Resolution No. 39/NQ-HDTV-ACBS.26 dated August 19, 2026 regarding offering of covered warrants.

Chi tiết theo file đính kèm/ Details in attached file.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 20/8/2026 tại đường dẫn <http://acbs.com.vn>.

This information was published on the company's website on August 20, 2026, as in the link <http://acbs.com.vn>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.

Tài liệu đính kèm/Attached documents:

Tài liệu liên quan đến nội dung thông tin công bố/ Documents on disclosed information.

Đại diện tổ chức

Organization representative

Người được UQ CBTT

Person authorized to disclose information

Giám đốc Nhân sự

Chief Human Resources Officer khua



Võ Đình Nam

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB
ACB SECURITIES COMPANY
Số/No.: **39** /NQ-HDTV-ACBS.26

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom – Happiness

TP. Hồ Chí Minh, ngày **19** tháng **08** năm 2026
Ho Chi Minh City, **August 19**, 2026

NGHỊ QUYẾT

RESOLUTION

V/v: Chào bán chứng quyền có bảo đảm

Regarding: Offering of covered warrants

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB
THE BOARD OF MEMBERS OF ACB SECURITIES COMPANY

Căn cứ/ Pursuant to:

- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
The Law on Securities No. 54/2019/QH14 dated November 26, 2019 and its guiding documents;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
Decree No. 155/2020/ND-CP dated December 31, 2020 of the Government detailing the implementation of certain articles of the Law on Securities;
- Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 09 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
Decree No. 245/2025/ND-CP dated September 11, 2025 of the Government amending and supplementing certain articles of Decree No. 155/2020/ND-CP;
- Thông tư số 122/2025/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về chứng quyền có bảo đảm;
Circular No. 122/2025/TT-BTC dated December 22, 2025 of the Minister of Finance guiding Covered Warrants;
- Điều lệ Công ty TNHH Chứng khoán ACB; và
The current Charter of ACB Securities Company; and
- Báo cáo kết quả kiểm phiếu ngày **19/08/2026** về việc thông qua việc chào bán chứng quyền có bảo đảm.
*Voting counting report dated **August 19**, 2026 regarding approval for Offering of covered warrants.*

QUYẾT NGHỊ
HEREBY RESOLVES

Điều 1: Hội đồng thành viên nhất trí thông qua việc chào bán chứng quyền có bảo đảm với nội dung chính như sau:

Article 1: *The Board of Members unanimously approves the offering of covered warrants with the following main contents:*

1. Chứng quyền FPT/ACBS/9M/128/ Warrant FPT/ACBS/9M/128

STT No.	Thông tin Descriptions	Chứng quyền Covered warrants
1	Tên chứng quyền <i>Covered warrant name</i>	Chứng quyền FPT/ACBS/9M/128 <i>Warrant FPT/ACBS/9M/128</i>
2	Mã chứng khoán cơ sở <i>Underlying security code</i>	FPT <i>FPT</i>
3	Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở <i>Underlying security issuer</i>	Công ty Cổ Phần FPT <i>FPT Corporation</i>
4	Loại chứng quyền <i>Warrant Type</i>	Mua <i>Call Warrant</i>
5	Kiểu chứng quyền <i>Exercise style</i>	Chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại ngày đáo hạn <i>Warrant under which the warrant holder is only entitled to exercise the right on the maturity date</i>
6	Phương thức thực hiện chứng quyền <i>Settlement type</i>	Chứng quyền được thanh toán bằng tiền <i>Cash settlement</i>
7	Thời hạn của chứng quyền <i>Term</i>	9 tháng <i>9 months</i>
8	Ngày phát hành dự kiến <i>Expected issuance date</i>	Trong vòng 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước (“UBCKNN”) cấp Giấy chứng nhận chào bán <i>Within ten (10) business days from the date on which the Certificate of Offering is granted by the State Securities Commission of Vietnam (“SSC”)</i>

STT No.	Thông tin <i>Descriptions</i>	Chứng quyền <i>Covered warrants</i>
9	Ngày niêm yết dự kiến <i>Expected listing date</i>	Sau khi được SGDCK TP.HCM chấp thuận (dự kiến quý 4 năm 2026) <i>After approval by the Ho Chi Minh City Stock Exchange ("HOSE") (expected in the fourth quarter of 2026)</i>
10	Tỷ lệ chuyển đổi <i>Conversion ratio</i>	10:1 (mười chứng quyền quy đổi một cổ phiếu) <i>10:1 (ten warrants convertible into one share)</i>
11	Giá thực hiện dự kiến <i>Expected exercise price</i>	Trong biên độ +/- 20% so với giá đóng cửa của cổ phiếu cơ sở tại ngày giao dịch liền trước ngày thông báo phát hành <i>Within ±20% of the closing price of the underlying share on the trading day immediately preceding the issuance announcement date</i>
12	Giá chào bán dự kiến <i>Expected offering price</i>	1.000 (một nghìn) đồng đến 2.500 (hai nghìn năm trăm) đồng/một chứng quyền <i>From 1,000 (one thousand) Vietnamese dong to 2,500 (two thousand, five hundred) Vietnamese dong/warrant</i>
13	Số lượng chứng quyền chào bán <i>Total offering number</i>	16.000.000 (mười sáu triệu) chứng quyền <i>16,000,000 (sixteen million) warrants</i>
14	Tổng giá trị dự kiến chào bán <i>Expected total offering value</i>	16.000.000.000 (mười sáu tỷ) đồng đến 40.000.000.000 (bốn mươi tỷ) đồng <i>16,000,000,000 (sixteen billion) Vietnamese dong to 40,000,000,000 (forty billion) Vietnamese dong</i>
15	Giá trị tài sản đảm bảo thanh toán <i>Collateral value for settlement</i>	50% giá trị chứng quyền được phép chào bán <i>Equal to 50% of the value of the warrants permitted to be offered</i>
16	Tài sản đảm bảo thanh toán <i>Collateral type</i>	Bằng tiền <i>In cash</i>
17	Ngân hàng lưu ký đảm bảo thanh toán <i>Settlement collateral depository bank</i>	Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa. Địa chỉ: 56 (sau), 58, 60, 62, 64 Nam Kỳ Khởi

STT No.	Thông tin <i>Descriptions</i>	Chứng quyền <i>Covered warrants</i>
		Nghĩa, phường Sài Gòn, TP.HCM. Điện thoại: (028) 38218812. Website: www.bidv.com.vn <i>Bank for Investment and Development of Vietnam (BIDV) – Nam Ky Khoi Nghia Branch.</i> <i>Address: 56 (rear), 58, 60, 62, 64 Nam Ky Khoi Nghia Street, Sai Gon Ward, Ho Chi Minh City.</i> <i>Tel.: (028) 38218812. Website: www.bidv.com.vn</i>

2. Chứng quyền HPG/ACBS/9M/129/ Warrant HPG/ACBS/9M/129

STT No.	Thông tin <i>Descriptions</i>	Chứng quyền <i>Covered warrants</i>
1	Tên chứng quyền <i>Covered warrant name</i>	Chứng quyền HPG/ACBS/9M/129 <i>Warrant HPG/ACBS/9M/129</i>
2	Mã chứng khoán cơ sở <i>Underlying security code</i>	HPG <i>HPG</i>
3	Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở <i>Underlying security issuer</i>	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát <i>Hoa Phat Group Joint Stock Company</i>
4	Loại chứng quyền <i>Warrant Type</i>	Mua <i>Call Warrant</i>
5	Kiểu chứng quyền <i>Exercise style</i>	Chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại ngày đáo hạn <i>Warrant under which the warrant holder is only entitled to exercise the right on the maturity date</i>
6	Phương thức thực hiện chứng quyền <i>Settlement type</i>	Chứng quyền được thanh toán bằng tiền <i>Cash settlement</i>
7	Thời hạn của chứng quyền <i>Term</i>	9 tháng <i>9 months</i>
8	Ngày phát hành dự kiến <i>Expected issuance date</i>	Trong vòng 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận chào bán

STT No.	Thông tin Descriptions	Chứng quyền Covered warrants
		<i>Within ten (10) business days from the date on which the Certificate of Offering is granted by SSC</i>
9	Ngày niêm yết dự kiến <i>Expected listing date</i>	Sau khi được SGDCK TP.HCM chấp thuận (dự kiến quý 4 năm 2026) <i>After approval by HOSE (expected in the fourth quarter of 2026)</i>
10	Tỷ lệ chuyển đổi <i>Conversion ratio</i>	3:1 (ba chứng quyền quy đổi một cổ phiếu) <i>3:1 (three warrants convertible into one share)</i>
11	Giá thực hiện dự kiến <i>Expected exercise price</i>	Trong biên độ +/- 20% so với giá đóng cửa của cổ phiếu cơ sở tại ngày giao dịch liền trước ngày thông báo phát hành <i>Within ±20% of the closing price of the underlying share on the trading day immediately preceding the issuance announcement date</i>
12	Giá chào bán dự kiến <i>Expected offering price</i>	1.000 (một nghìn) đồng đến 2.500 (hai nghìn năm trăm) đồng/một chứng quyền <i>From 1,000 (one thousand) Vietnamese dong to 2,500 (two thousand, five hundred) Vietnamese dong/warrant</i>
13	Số lượng chứng quyền chào bán <i>Total offering number</i>	24.000.000 (hai mươi bốn triệu) chứng quyền <i>24,000,000 (twenty-four million) warrants</i>
14	Tổng giá trị dự kiến chào bán <i>Expected total offering value</i>	24.000.000.000 (hai mươi bốn tỷ) đồng đến 60.000.000.000 (sáu mươi tỷ) đồng <i>24,000,000,000 (twenty-four billion) Vietnamese dong to 60,000,000,000 (sixty billion) Vietnamese dong</i>
15	Giá trị tài sản đảm bảo thanh toán <i>Collateral value for settlement</i>	50% giá trị chứng quyền được phép chào bán <i>Equal to 50% of the value of the warrants permitted to be offered</i>
16	Tài sản đảm bảo thanh toán <i>Collateral type</i>	Bằng tiền <i>In cash</i>

STT No.	Thông tin Descriptions	Chứng quyền Covered warrants
17	Ngân hàng lưu ký đảm bảo thanh toán <i>Settlement collateral depository bank</i>	Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa. Địa chỉ: 56 (sau), 58, 60, 62, 64 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Sài Gòn, TP.HCM. Điện thoại: (028) 38218812. Website: www.bidv.com.vn <i>Bank for Investment and Development of Vietnam (BIDV) – Nam Ky Khoi Nghia Branch. Address: 56 (rear), 58, 60, 62, 64 Nam Ky Khoi Nghia Street, Sai Gon Ward, Ho Chi Minh City. Tel.: (028) 38218812. Website: www.bidv.com.vn</i>

3. Chứng quyền MBB/ACBS/9M/130/ Warrant MBB/ACBS/9M/130

STT No.	Thông tin Descriptions	Chứng quyền Covered warrants
1	Tên chứng quyền <i>Covered warrant name</i>	Chứng quyền MBB/ACBS/9M/130 <i>Warrant MBB/ACBS/9M/130</i>
2	Mã chứng khoán cơ sở <i>Underlying security code</i>	MBB <i>MBB</i>
3	Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở <i>Underlying security issuer</i>	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội <i>Military Commercial Joint Stock Bank</i>
4	Loại chứng quyền <i>Warrant Type</i>	Mua <i>Call Warrant</i>
5	Kiểu chứng quyền <i>Exercise style</i>	Chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại ngày đáo hạn <i>Warrant under which the warrant holder is only entitled to exercise the right on the maturity date</i>
6	Phương thức thực hiện chứng quyền <i>Settlement type</i>	Chứng quyền được thanh toán bằng tiền <i>Cash settlement</i>
7	Thời hạn của chứng quyền <i>Term</i>	9 tháng <i>9 months</i>

STT No.	Thông tin <i>Descriptions</i>	Chứng quyền <i>Covered warrants</i>
8	Ngày phát hành dự kiến <i>Expected issuance date</i>	Trong vòng 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận chào bán <i>Within ten (10) business days from the date on which the Certificate of Offering is granted by SSC</i>
9	Ngày niêm yết dự kiến <i>Expected listing date</i>	Sau khi được SGDCK TP.HCM chấp thuận (dự kiến quý 4 năm 2026) <i>After approval by HOSE (expected in the fourth quarter of 2026)</i>
10	Tỷ lệ chuyển đổi <i>Conversion ratio</i>	4:1 (bốn chứng quyền quy đổi một cổ phiếu) <i>4:1 (four warrants convertible into one share)</i>
11	Giá thực hiện dự kiến <i>Expected exercise price</i>	Trong biên độ +/- 20% so với giá đóng cửa của cổ phiếu cơ sở tại ngày giao dịch liền trước ngày thông báo phát hành <i>Within ±20% of the closing price of the underlying share on the trading day immediately preceding the issuance announcement date</i>
12	Giá chào bán dự kiến <i>Expected offering price</i>	1.000 (một nghìn) đồng đến 2.500 (hai nghìn năm trăm) đồng/một chứng quyền <i>From 1,000 (one thousand) Vietnamese dong to 2,500 (two thousand, five hundred) Vietnamese dong/warrant</i>
13	Số lượng chứng quyền chào bán <i>Total offering number</i>	24.000.000 (hai mươi bốn triệu) chứng quyền <i>24,000,000 (twenty-four million) warrants</i>
14	Tổng giá trị dự kiến chào bán <i>Expected total offering value</i>	24.000.000.000 (hai mươi bốn tỷ) đồng đến 60.000.000.000 (sáu mươi tỷ) đồng <i>24,000,000,000 (twenty-four billion) Vietnamese dong to 60.000.000.000 (sixty billion) Vietnamese dong</i>
15	Giá trị tài sản đảm bảo thanh toán <i>Collateral value for settlement</i>	50% giá trị chứng quyền được phép chào bán <i>Equal to 50% of the value of the warrants permitted to be offered</i>
16	Tài sản đảm bảo thanh toán	Bằng tiền

STT No.	Thông tin Descriptions	Chứng quyền Covered warrants
	<i>Collateral type</i>	<i>In cash</i>
17	Ngân hàng lưu ký đảm bảo thanh toán <i>Settlement collateral depository bank</i>	Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa. Địa chỉ: 56 (sau), 58, 60, 62, 64 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Sài Gòn, TP.HCM. Điện thoại: (028) 38218812. Website: www.bidv.com.vn <i>Bank for Investment and Development of Vietnam (BIDV) – Nam Ky Khoi Nghia Branch. Address: 56 (rear), 58, 60, 62, 64 Nam Ky Khoi Nghia Street, Sai Gon Ward, Ho Chi Minh City. Tel.: (028) 38218812. Website: www.bidv.com.vn</i>

4. Chứng quyền MSN/ACBS/9M/131/ *Warrant MSN/ACBS/9M/131*

STT No.	Thông tin Descriptions	Chứng quyền Covered warrants
1	Tên chứng quyền <i>Covered warrant name</i>	Chứng quyền MSN/ACBS/9M/131 <i>Warrant MSN/ACBS/9M/131</i>
2	Mã chứng khoán cơ sở <i>Underlying security code</i>	MSN <i>MSN</i>
3	Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở <i>Underlying security issuer</i>	Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan <i>Masan Group Corporation</i>
4	Loại chứng quyền <i>Warrant Type</i>	Mua <i>Call Warrant</i>
5	Kiểu chứng quyền <i>Exercise style</i>	Chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại ngày đáo hạn <i>Warrant under which the warrant holder is only entitled to exercise the right on the maturity date</i>
6	Phương thức thực hiện chứng quyền <i>Settlement type</i>	Chứng quyền được thanh toán bằng tiền <i>Cash settlement</i>
7	Thời hạn của chứng quyền	9 tháng

STT No.	Thông tin <i>Descriptions</i>	Chứng quyền <i>Covered warrants</i>
	<i>Term</i>	<i>9 months</i>
8	Ngày phát hành dự kiến <i>Expected issuance date</i>	Trong vòng 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận chào bán <i>Within ten (10) business days from the date on which the Certificate of Offering is granted by SSC</i>
9	Ngày niêm yết dự kiến <i>Expected listing date</i>	Sau khi được SGDCK TP.HCM chấp thuận (dự kiến quý 4 năm 2026) <i>After approval by HOSE (expected in the fourth quarter of 2026)</i>
10	Tỷ lệ chuyển đổi <i>Conversion ratio</i>	10:1 (mười chứng quyền quy đổi một cổ phiếu) <i>10:1 (ten warrants convertible into one share)</i>
11	Giá thực hiện dự kiến <i>Expected exercise price</i>	Trong biên độ +/- 20% so với giá đóng cửa của cổ phiếu cơ sở tại ngày giao dịch liền trước ngày thông báo phát hành <i>Within ±20% of the closing price of the underlying share on the trading day immediately preceding the issuance announcement date</i>
12	Giá chào bán dự kiến <i>Expected offering price</i>	1.000 (một nghìn) đồng đến 2.500 (hai nghìn năm trăm) đồng/một chứng quyền <i>From 1,000 (one thousand) Vietnamese dong to 2,500 (two thousand, five hundred) Vietnamese dong/warrant</i>
13	Số lượng chứng quyền chào bán <i>Total offering number</i>	16.000.000 (mười sáu triệu) chứng quyền <i>16,000,000 (sixteen million) warrants</i>
14	Tổng giá trị dự kiến chào bán <i>Expected total offering value</i>	16.000.000.000 (mười sáu tỷ) đồng đến 40.000.000.000 (bốn mươi tỷ) đồng <i>16,000,000,000 (sixteen billion) Vietnamese dong to 40,000,000,000 (forty billion) Vietnamese dong</i>
15	Giá trị tài sản đảm bảo thanh toán <i>Collateral value for settlement</i>	50% giá trị chứng quyền được phép chào bán <i>Equal to 50% of the value of the warrants permitted to be offered</i>

STT No.	Thông tin Descriptions	Chứng quyền Covered warrants
16	Tài sản đảm bảo thanh toán <i>Collateral type</i>	Bằng tiền <i>In cash</i>
17	Ngân hàng lưu ký đảm bảo thanh toán <i>Settlement collateral depository bank</i>	Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa. Địa chỉ: 56 (sau), 58, 60, 62, 64 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Sài Gòn, TP.HCM. Điện thoại: (028) 38218812. Website: www.bidv.com.vn <i>Bank for Investment and Development of Vietnam (BIDV) – Nam Ky Khoi Nghia Branch. Address: 56 (rear), 58, 60, 62, 64 Nam Ky Khoi Nghia Street, Sai Gon Ward, Ho Chi Minh City. Tel.: (028) 38218812. Website: www.bidv.com.vn</i>

5. Chứng quyền MWG/ACBS/9M/132/ Warrant MWG/ACBS/9M/132

STT No.	Thông tin Descriptions	Chứng quyền Covered warrants
1	Tên chứng quyền <i>Covered warrant name</i>	Chứng quyền MWG/ACBS/9M/132 <i>Warrant MWG/ACBS/9M/132</i>
2	Mã chứng khoán cơ sở <i>Underlying security code</i>	MWG <i>MWG</i>
3	Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở <i>Underlying security issuer</i>	Công ty Cổ phần Đầu tư Thế giới Di động <i>Mobile World Investment Corporation</i>
4	Loại chứng quyền <i>Warrant Type</i>	Mua <i>Call Warrant</i>
5	Kiểu chứng quyền <i>Exercise style</i>	Chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại ngày đáo hạn <i>Warrant under which the warrant holder is only entitled to exercise the right on the maturity date</i>
6	Phương thức thực hiện chứng quyền <i>Settlement type</i>	Chứng quyền được thanh toán bằng tiền <i>Cash settlement</i>

STT No.	Thông tin <i>Descriptions</i>	Chứng quyền <i>Covered warrants</i>
7	Thời hạn của chứng quyền <i>Term</i>	9 tháng <i>9 months</i>
8	Ngày phát hành dự kiến <i>Expected issuance date</i>	Trong vòng 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận chào bán <i>Within ten (10) business days from the date on which the Certificate of Offering is granted by SSC</i>
9	Ngày niêm yết dự kiến <i>Expected listing date</i>	Sau khi được SGDCK TP.HCM chấp thuận (dự kiến quý 4 năm 2026) <i>After approval by HOSE (expected in the fourth quarter of 2026)</i>
10	Tỷ lệ chuyển đổi <i>Conversion ratio</i>	10:1 (mười chứng quyền quy đổi một cổ phiếu) <i>10:1 (ten warrants convertible into one share)</i>
11	Giá thực hiện dự kiến <i>Expected exercise price</i>	Trong biên độ +/- 20% so với giá đóng cửa của cổ phiếu cơ sở tại ngày giao dịch liền trước ngày thông báo phát hành <i>Within ±20% of the closing price of the underlying share on the trading day immediately preceding the issuance announcement date</i>
12	Giá chào bán dự kiến <i>Expected offering price</i>	1.000 (một nghìn) đồng đến 2.500 (hai nghìn năm trăm) đồng/một chứng quyền <i>From 1,000 (one thousand) Vietnamese dong to 2,500 (two thousand, five hundred) Vietnamese dong/warrant</i>
13	Số lượng chứng quyền chào bán <i>Total offering number</i>	24.000.000 (hai mươi bốn triệu) chứng quyền <i>24,000,000 (twenty-four million) warrants</i>
14	Tổng giá trị dự kiến chào bán <i>Expected total offering value</i>	24.000.000.000 (hai mươi bốn tỷ) đồng đến 60.000.000.000 (sáu mươi tỷ) đồng <i>24,000,000,000 (twenty-four billion) Vietnamese dong to 60,000,000,000 (sixty billion) Vietnamese dong</i>
15	Giá trị tài sản đảm bảo thanh toán <i>Collateral value for settlement</i>	50% giá trị chứng quyền được phép chào bán

STT No.	Thông tin Descriptions	Chứng quyền Covered warrants
		<i>Equal to 50% of the value of the warrants permitted to be offered</i>
16	Tài sản đảm bảo thanh toán <i>Collateral type</i>	Bằng tiền <i>In cash</i>
17	Ngân hàng lưu ký đảm bảo thanh toán <i>Settlement collateral depository bank</i>	Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa. Địa chỉ: 56 (sau), 58, 60, 62, 64 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Sài Gòn, TP.HCM. Điện thoại: (028) 38218812. Website: www.bidv.com.vn <i>Bank for Investment and Development of Vietnam (BIDV) – Nam Ky Khoi Nghia Branch. Address: 56 (rear), 58, 60, 62, 64 Nam Ky Khoi Nghia Street, Sai Gon Ward, Ho Chi Minh City. Tel.: (028) 38218812. Website: www.bidv.com.vn</i>

6. Chứng quyền STB/ACBS/9M/133/ Warrant STB/ACBS/9M/133

STT No.	Thông tin Descriptions	Chứng quyền Covered warrants
1	Tên chứng quyền <i>Covered warrant name</i>	Chứng quyền STB/ACBS/9M/133 <i>Warrant STB/ACBS/9M/133</i>
2	Mã chứng khoán cơ sở <i>Underlying security code</i>	STB <i>STB</i>
3	Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở <i>Underlying security issuer</i>	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Tài Lộc <i>Saigon Treasure Commercial Joint Stock Bank</i>
4	Loại chứng quyền <i>Warrant Type</i>	Mua <i>Call Warrant</i>
5	Kiểu chứng quyền <i>Exercise style</i>	Chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại ngày đáo hạn

STT No.	Thông tin Descriptions	Chứng quyền Covered warrants
		<i>Warrant under which the warrant holder is only entitled to exercise the right on the maturity date</i>
6	Phương thức thực hiện chứng quyền <i>Settlement type</i>	Chứng quyền được thanh toán bằng tiền <i>Cash settlement</i>
7	Thời hạn của chứng quyền <i>Term</i>	9 tháng <i>9 months</i>
8	Ngày phát hành dự kiến <i>Expected issuance date</i>	Trong vòng 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận chào bán <i>Within ten (10) business days from the date on which the Certificate of Offering is granted by SSC</i>
9	Ngày niêm yết dự kiến <i>Expected listing date</i>	Sau khi được SGDCK TP.HCM chấp thuận (dự kiến quý 4 năm 2026) <i>After approval by HOSE (expected in the fourth quarter of 2026)</i>
10	Tỷ lệ chuyển đổi <i>Conversion ratio</i>	11:1 (mười một chứng quyền quy đổi một cổ phiếu) <i>11:1 (eleven warrants convertible into one share)</i>
11	Giá thực hiện dự kiến <i>Expected exercise price</i>	Trong biên độ +/- 20% so với giá đóng cửa của cổ phiếu cơ sở tại ngày giao dịch liền trước ngày thông báo phát hành <i>Within ±20% of the closing price of the underlying share on the trading day immediately preceding the issuance announcement date</i>
12	Giá chào bán dự kiến <i>Expected offering price</i>	1.000 (một nghìn) đồng đến 2.500 (hai nghìn năm trăm) đồng/một chứng quyền <i>From 1,000 (one thousand) Vietnamese dong to 2,500 (two thousand, five hundred) Vietnamese dong/warrant</i>
13	Số lượng chứng quyền chào bán <i>Total offering number</i>	16.000.000 (mười sáu triệu) chứng quyền <i>16,000,000 (sixteen million) warrants</i>

STT No.	Thông tin Descriptions	Chứng quyền Covered warrants
14	Tổng giá trị dự kiến chào bán <i>Expected total offering value</i>	16.000.000.000 (mười sáu tỷ) đồng đến 40.000.000.000 (bốn mươi tỷ) đồng <i>16,000,000,000 (sixteen billion) Vietnamese dong to 40,000,000,000 (forty billion) Vietnamese dongd)</i>
15	Giá trị tài sản đảm bảo thanh toán <i>Collateral value for settlement</i>	50% giá trị chứng quyền được phép chào bán <i>Equal to 50% of the value of the warrants permitted to be offered</i>
16	Tài sản đảm bảo thanh toán <i>Collateral type</i>	Bằng tiền <i>In cash</i>
17	Ngân hàng lưu ký đảm bảo thanh toán <i>Settlement collateral depository bank</i>	Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa. Địa chỉ: 56 (sau), 58, 60, 62, 64 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Sài Gòn, TP.HCM. Điện thoại: (028) 38218812. Website: www.bidv.com.vn <i>Bank for Investment and Development of Vietnam (BIDV) – Nam Ky Khoi Nghia Branch. Address: 56 (rear), 58, 60, 62, 64 Nam Ky Khoi Nghia Street, Sai Gon Ward, Ho Chi Minh City. Tel.: (028) 38218812. Website: www.bidv.com.vn</i>

7. Chứng quyền TCB/ACBS/9M/134/ *Warrant TCB/ACBS/9M/134*

STT No.	Thông tin Descriptions	Chứng quyền Covered warrants
1	Tên chứng quyền <i>Covered warrant name</i>	Chứng quyền TCB/ACBS/9M/134 <i>Warrant TCB/ACBS/9M/134</i>
2	Mã chứng khoán cơ sở <i>Underlying security code</i>	TCB <i>TCB</i>
3	Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở <i>Underlying security issuer</i>	Ngân Hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam

STT No.	Thông tin Descriptions	Chứng quyền Covered warrants
		<i>Vietnam Technological and Commercial Joint Stock Bank</i>
4	Loại chứng quyền <i>Warrant Type</i>	Mua <i>Call Warrant</i>
5	Kiểu chứng quyền <i>Exercise style</i>	Chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại ngày đáo hạn <i>Warrant under which the warrant holder is only entitled to exercise the right on the maturity date</i>
6	Phương thức thực hiện chứng quyền <i>Settlement type</i>	Chứng quyền được thanh toán bằng tiền <i>Cash settlement</i>
7	Thời hạn của chứng quyền <i>Term</i>	9 tháng <i>9 months</i>
8	Ngày phát hành dự kiến <i>Expected issuance date</i>	Trong vòng 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận chào bán <i>Within ten (10) business days from the date on which the Certificate of Offering is granted by SSC</i>
9	Ngày niêm yết dự kiến <i>Expected listing date</i>	Sau khi được SGDCK TP.HCM chấp thuận (dự kiến quý 4 năm 2026) <i>After approval by HOSE (expected in the fourth quarter of 2026)</i>
10	Tỷ lệ chuyển đổi <i>Conversion ratio</i>	4:1 (bốn chứng quyền quy đổi một cổ phiếu) <i>4:1 (four warrants convertible into one share)</i>
11	Giá thực hiện dự kiến <i>Expected exercise price</i>	Trong biên độ +/- 20% so với giá đóng cửa của cổ phiếu cơ sở tại ngày giao dịch liền trước ngày thông báo phát hành <i>Within ±20% of the closing price of the underlying share on the trading day immediately preceding the issuance announcement date</i>
12	Giá chào bán dự kiến <i>Expected offering price</i>	1.000 (một nghìn) đồng đến 2.500 (hai nghìn năm trăm) đồng/một chứng quyền

STT No.	Thông tin Descriptions	Chứng quyền Covered warrants
		<i>From 1,000 (one thousand) Vietnamese dong to 2,500 (two thousand, five hundred) Vietnamese dong/warrant</i>
13	Số lượng chứng quyền chào bán <i>Total offering number</i>	16.000.000 (mười sáu triệu) chứng quyền <i>16,000,000 (sixteen million) warrants</i>
14	Tổng giá trị dự kiến chào bán <i>Expected total offering value</i>	16.000.000.000 (mười sáu tỷ) đồng đến 40.000.000.000 (bốn mươi tỷ) đồng <i>16,000,000,000 (sixteen billion) Vietnamese dong to 40,000,000,000 (forty billion) Vietnamese dong</i>
15	Giá trị tài sản đảm bảo thanh toán <i>Collateral value for settlement</i>	50% giá trị chứng quyền được phép chào bán <i>Equal to 50% of the value of the warrants permitted to be offered</i>
16	Tài sản đảm bảo thanh toán <i>Collateral type</i>	Bằng tiền <i>In cash</i>
17	Ngân hàng lưu ký đảm bảo thanh toán <i>Settlement collateral depository bank</i>	Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa. Địa chỉ: 56 (sau), 58, 60, 62, 64 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Sài Gòn, TP.HCM. Điện thoại: (028) 38218812. Website: www.bidv.com.vn <i>Bank for Investment and Development of Vietnam (BIDV) – Nam Ky Khoi Nghia Branch. Address: 56 (rear), 58, 60, 62, 64 Nam Ky Khoi Nghia Street, Sai Gon Ward, Ho Chi Minh City. Tel.: (028) 38218812. Website: www.bidv.com.vn</i>

8. Chứng quyền VIB/ACBS/9M/135/ Warrant VIB/ACBS/9M/135

STT No.	Thông tin Descriptions	Chứng quyền Covered warrants
1	Tên chứng quyền <i>Covered warrant name</i>	Chứng quyền VIB/ACBS/9M/135 <i>Warrant VIB/ACBS/9M/135</i>

STT No.	Thông tin Descriptions	Chứng quyền Covered warrants
2	Mã chứng khoán cơ sở <i>Underlying security code</i>	VIB <i>VIB</i>
3	Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở <i>Underlying security issuer</i>	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam <i>Vietnam International Commercial Joint Stock Bank</i>
4	Loại chứng quyền <i>Warrant Type</i>	Mua <i>Call Warrant</i>
5	Kiểu chứng quyền <i>Exercise style</i>	Chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại ngày đáo hạn <i>Warrant under which the warrant holder is only entitled to exercise the right on the maturity date</i>
6	Phương thức thực hiện chứng quyền <i>Settlement type</i>	Chứng quyền được thanh toán bằng tiền <i>Cash settlement</i>
7	Thời hạn của chứng quyền <i>Term</i>	9 tháng <i>9 months</i>
8	Ngày phát hành dự kiến <i>Expected issuance date</i>	Trong vòng 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận chào bán <i>Within ten (10) business days from the date on which the Certificate of Offering is granted by SSC</i>
9	Ngày niêm yết dự kiến <i>Expected listing date</i>	Sau khi được SGDCK TP.HCM chấp thuận (dự kiến quý 4 năm 2026) <i>After approval by HOSE (expected in the fourth quarter of 2026)</i>
10	Tỷ lệ chuyển đổi <i>Conversion ratio</i>	2:1 (hai chứng quyền quy đổi một cổ phiếu) <i>2:1 (two warrants convertible into one share)</i>
11	Giá thực hiện dự kiến <i>Expected exercise price</i>	Trong biên độ +/- 20% so với giá đóng cửa của cổ phiếu cơ sở tại ngày giao dịch liền trước ngày thông báo phát hành

STT No.	Thông tin Descriptions	Chứng quyền Covered warrants
		<i>Within $\pm 20\%$ of the closing price of the underlying share on the trading day immediately preceding the issuance announcement date</i>
12	Giá chào bán dự kiến <i>Expected offering price</i>	1.000 (một nghìn) đồng đến 2.500 (hai nghìn năm trăm) đồng/một chứng quyền <i>From 1,000 (one thousand) Vietnamese dong to 2,500 (two thousand, five hundred) Vietnamese dong/warrant</i>
13	Số lượng chứng quyền chào bán <i>Total offering number</i>	16.000.000 (mười sáu triệu) chứng quyền <i>16,000,000 (sixteen million) warrants</i>
14	Tổng giá trị dự kiến chào bán <i>Expected total offering value</i>	16.000.000.000 (mười sáu tỷ) đồng đến 40.000.000.000 (bốn mươi tỷ) đồng <i>16,000,000,000 (sixteen billion) Vietnamese dong to 40,000,000,000 (forty billion) Vietnamese dong</i>
15	Giá trị tài sản đảm bảo thanh toán <i>Collateral value for settlement</i>	50% giá trị chứng quyền được phép chào bán <i>Equal to 50% of the value of the warrants permitted to be offered</i>
16	Tài sản đảm bảo thanh toán <i>Collateral type</i>	Bằng tiền <i>In cash</i>
17	Ngân hàng lưu ký đảm bảo thanh toán <i>Settlement collateral depository bank</i>	Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa. Địa chỉ: 56 (sau), 58, 60, 62, 64 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Sài Gòn, TP.HCM. Điện thoại: (028) 38218812. Website: www.bidv.com.vn <i>Bank for Investment and Development of Vietnam (BIDV) – Nam Ky Khoi Nghia Branch. Address: 56 (rear), 58, 60, 62, 64 Nam Ky Khoi Nghia Street, Sai Gon Ward, Ho Chi Minh City. Tel.: (028) 38218812. Website: www.bidv.com.vn</i>

9. Chứng quyền VNM/ACBS/9M/136/ Warrant VNM/ACBS/9M/136

STT No.	Thông tin <i>Descriptions</i>	Chứng quyền <i>Covered warrants</i>
1	Tên chứng quyền <i>Covered warrant name</i>	Chứng quyền VNM/ACBS/9M/136 <i>Warrant VNM/ACBS/9M/136</i>
2	Mã chứng khoán cơ sở <i>Underlying security code</i>	VNM <i>VNM</i>
3	Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở <i>Underlying security issuer</i>	Công ty Cổ phần sữa Việt Nam <i>Vietnam Dairy Products Joint Stock Company</i>
4	Loại chứng quyền <i>Warrant Type</i>	Mua <i>Call Warrant</i>
5	Kiểu chứng quyền <i>Exercise style</i>	Chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại ngày đáo hạn <i>Warrant under which the warrant holder is only entitled to exercise the right on the maturity date</i>
6	Phương thức thực hiện chứng quyền <i>Settlement type</i>	Chứng quyền được thanh toán bằng tiền <i>Cash settlement</i>
7	Thời hạn của chứng quyền <i>Term</i>	9 tháng <i>9 months</i>
8	Ngày phát hành dự kiến <i>Expected issuance date</i>	Trong vòng 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận chào bán <i>Within ten (10) business days from the date on which the Certificate of Offering is granted by SSC</i>
9	Ngày niêm yết dự kiến <i>Expected listing date</i>	Sau khi được SGDCK TP.HCM chấp thuận (dự kiến quý 4 năm 2026) <i>After approval by HOSE (expected in the fourth quarter of 2026)</i>
10	Tỷ lệ chuyển đổi <i>Conversion ratio</i>	9:1 (chín chứng quyền quy đổi một cổ phiếu) <i>9:1 (nine warrants convertible into one share)</i>
11	Giá thực hiện dự kiến <i>Expected exercise price</i>	Trong biên độ +/- 20% so với giá đóng cửa của cổ phiếu cơ sở tại ngày giao dịch liền trước ngày thông báo phát hành

STT No.	Thông tin <i>Descriptions</i>	Chứng quyền <i>Covered warrants</i>
		<i>Within $\pm 20\%$ of the closing price of the underlying share on the trading day immediately preceding the issuance announcement date</i>
12	Giá chào bán dự kiến <i>Expected offering price</i>	1.000 (một nghìn) đồng đến 2.500 (hai nghìn năm trăm) đồng/một chứng quyền <i>From 1,000 (one thousand) Vietnamese dong to 2,500 (two thousand, five hundred) Vietnamese dong/warrant</i>
13	Số lượng chứng quyền chào bán <i>Total offering number</i>	16.000.000 (mười sáu triệu) chứng quyền <i>16,000,000 (sixteen million) warrants</i>
14	Tổng giá trị dự kiến chào bán <i>Expected total offering value</i>	16.000.000.000 (mười sáu tỷ) đồng đến 40.000.000.000 (bốn mươi tỷ) đồng <i>16,000,000,000 (sixteen billion) Vietnamese dong to 40,000,000,000 (forty billion) Vietnamese dong</i>
15	Giá trị tài sản đảm bảo thanh toán <i>Collateral value for settlement</i>	50% giá trị chứng quyền được phép chào bán <i>Equal to 50% of the value of the warrants permitted to be offered</i>
16	Tài sản đảm bảo thanh toán <i>Collateral type</i>	Bằng tiền <i>In cash</i>
17	Ngân hàng lưu ký đảm bảo thanh toán <i>Settlement collateral depository bank</i>	Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa. Địa chỉ: 56 (sau), 58, 60, 62, 64 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Sài Gòn, TP.HCM. Điện thoại: (028) 38218812. Website: www.bidv.com.vn <i>Bank for Investment and Development of Vietnam (BIDV) – Nam Ky Khoi Nghia Branch. Address: 56 (rear), 58, 60, 62, 64 Nam Ky Khoi Nghia Street, Sai Gon Ward, Ho Chi Minh City. Tel.: (028) 38218812. Website: www.bidv.com.vn</i>

10. Chứng quyền VPB/ACBS/9M/137/ Warrant VPB/ACBS/9M/137

STT No.	Thông tin Descriptions	Chứng quyền Covered warrants
1	Tên chứng quyền <i>Covered warrant name</i>	Chứng quyền VPB/ACBS/9M/137 <i>Warrant VPB/ACBS/9M/137</i>
2	Mã chứng khoán cơ sở <i>Underlying security code</i>	VPB <i>VPB</i>
3	Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở <i>Underlying security issuer</i>	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng <i>Vietnam Prosperity Joint Stock Commercial Bank</i>
4	Loại chứng quyền <i>Warrant Type</i>	Mua <i>Call Warrant</i>
5	Kiểu chứng quyền <i>Exercise style</i>	Chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại ngày đáo hạn <i>Warrant under which the warrant holder is only entitled to exercise the right on the maturity date</i>
6	Phương thức thực hiện chứng quyền <i>Settlement type</i>	Chứng quyền được thanh toán bằng tiền <i>Cash settlement</i>
7	Thời hạn của chứng quyền <i>Term</i>	9 tháng <i>9 months</i>
8	Ngày phát hành dự kiến <i>Expected issuance date</i>	Trong vòng 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận chào bán <i>Within ten (10) business days from the date on which the Certificate of Offering is granted by SSC</i>
9	Ngày niêm yết dự kiến <i>Expected listing date</i>	Sau khi được SGDCK TP.HCM chấp thuận (dự kiến quý 4 năm 2026) <i>After approval by HOSE (expected in the fourth quarter of 2026)</i>
10	Tỷ lệ chuyển đổi <i>Conversion ratio</i>	4:1 (bốn chứng quyền quy đổi một cổ phiếu) <i>4:1 (four warrants convertible into one share)</i>

STT No.	Thông tin Descriptions	Chứng quyền Covered warrants
11	Giá thực hiện dự kiến <i>Expected exercise price</i>	Trong biên độ +/- 20% so với giá đóng cửa của cổ phiếu cơ sở tại ngày giao dịch liền trước ngày thông báo phát hành <i>Within ±20% of the closing price of the underlying share on the trading day immediately preceding the issuance announcement date</i>
12	Giá chào bán dự kiến <i>Expected offering price</i>	1.000 (một nghìn) đồng đến 2.500 (hai nghìn năm trăm) đồng/một chứng quyền <i>From 1,000 (one thousand) Vietnamese dong to 2,500 (two thousand, five hundred) Vietnamese dong/warrant</i>
13	Số lượng chứng quyền chào bán <i>Total offering number</i>	24.000.000 (hai mươi bốn triệu) chứng quyền <i>24,000,000 (twenty-four million) warrants</i>
14	Tổng giá trị dự kiến chào bán <i>Expected total offering value</i>	24.000.000.000 (hai mươi bốn tỷ) đồng đến 60.000.000.000 (sáu mươi tỷ) đồng <i>24,000,000,000 (twenty-four billion) Vietnamese dong to 60,000,000,000 (sixty billion) Vietnamese dong</i>
15	Giá trị tài sản đảm bảo thanh toán <i>Collateral value for settlement</i>	50% giá trị chứng quyền được phép chào bán <i>Equal to 50% of the value of the warrants permitted to be offered</i>
16	Tài sản đảm bảo thanh toán <i>Collateral type</i>	Bằng tiền <i>In cash</i>
17	Ngân hàng lưu ký đảm bảo thanh toán <i>Settlement collateral depository bank</i>	Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa. Địa chỉ: 56 (sau), 58, 60, 62, 64 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Sài Gòn, TP.HCM. Điện thoại: (028) 38218812. Website: www.bidv.com.vn <i>Bank for Investment and Development of Vietnam (BIDV) – Nam Ky Khoi Nghia Branch. Address: 56 (rear), 58, 60, 62, 64 Nam Ky Khoi Nghia Street, Sai Gon Ward, Ho Chi Minh City. Tel.: (028) 38218812. Website: www.bidv.com.vn</i>

Việc chào bán và niêm yết từng chứng quyền sẽ phụ thuộc vào chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Nếu bất kỳ chứng quyền nào trong các chứng quyền nêu trên không thể đăng ký chào bán, không được chấp thuận, không thể phát hành được hoặc không thể niêm yết vì bất kỳ lý do gì tại thời từng thời điểm, thì việc này sẽ không ảnh hưởng đến các chứng quyền còn lại, và chấp thuận của Hội đồng thành viên đối với (các) chứng quyền còn lại sẽ vẫn tiếp tục có hiệu lực thi hành.

The offering and listing of each Covered Warrant shall be subject to the approval of the competent state authorities. If any of the Covered Warrants referred to above cannot be registered for offering, is not approved, cannot be issued, or cannot be listed for any reason at any relevant time, such circumstance shall not affect the remaining Covered Warrants, and the approval of the Board of Members in respect of the remaining Covered Warrant(s) shall remain valid and continue in full force and effect.

Điều 2: Giao/ ủy quyền Tổng Giám đốc thực hiện các công việc sau:

- Quyết định các vấn đề cụ thể khác liên quan đến việc chào bán và niêm yết chứng quyền có bảo đảm nêu tại Nghị quyết này.
- Ký và ban hành các hồ sơ, tài liệu, quyết định, quy định, văn bản, quy trình, thỏa thuận, hợp đồng, văn bản giải trình, sửa đổi, bổ sung hồ sơ tài liệu đã nộp liên quan đến thủ tục chào bán, đăng ký lưu ký và niêm yết các chứng quyền nêu trên theo quy định của pháp luật và yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền (gồm UBCKNN, các Sở giao dịch chứng khoán tại Việt Nam, Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam, và các cơ quan có thẩm quyền khác);
- Thực hiện các công việc cần thiết theo quy định của pháp luật để hoàn tất các công việc tại Nghị quyết này.

Article 2: *The Board of Members hereby assigns and authorizes the President & CEO to carry out the following tasks:*

- *To decide on all other specific matters relating to the offering and listing of the Covered Warrants referred to in this Resolution;*
- *To sign and issue all applications, documents, decisions, regulations, written instruments, procedures, agreements, contracts, explanatory letters, and any amendments or supplements to the application dossiers and documents already submitted in connection with the offering, registration for depository, and listing of the above-mentioned Covered Warrants in accordance with applicable laws and the requirements of the competent authorities, including SSC, the Stock Exchanges in Vietnam, the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation, and other competent authorities;*
- *To perform all other acts and take all necessary actions in accordance with applicable laws to implement and complete the matters set out in this Resolution.*

Điều 3: Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Ban Tổng Giám đốc, các đơn vị và cá nhân trong hệ thống Công ty TNHH Chứng khoán ACB chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Article 3: This Resolution shall take effect from the date of signing. The Board of Management, departments and individuals within ACB Securities Company Limited shall be responsible for the implementation of this Resolution.

Nơi nhận:

- Hội đồng thành viên;
- Như Điều 3;
- Lưu thư ký Công ty; P.HCTH;

Recipients:

- Board of Members;
- As Article 3;
- Filing: Company Secretary; General Administration Department;

**TM. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
ON BEHALF OF THE BOARD OF MEMBERS
CHỦ TỊCH/ CHAIRMAN** *Đỗ Minh Toàn*



ĐỖ MINH TOÀN